

Số: **218** /KL-TTr

Hà Nội, ngày **20** tháng **9** năm 2024

KẾT LUẬN THANH TRA
Việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động
tại Công ty Cổ phần Khu công nghiệp cao su Bình Long

Thực hiện Quyết định số 327/QĐ-TTr ngày 31/7/2024 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động, ngày 19/8/2024, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại Công ty Cổ phần Khu công nghiệp cao su Bình Long; thời kỳ thanh tra từ ngày 01/01/2022 đến 30/6/2024.

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 10/9/2024 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Khu công nghiệp cao su Bình Long (sau đây gọi là doanh nghiệp).

- Năm thành lập: 2007.

- Trụ sở chính của doanh nghiệp: khu phố 3A, phường Minh Hưng, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3800378251 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp, đăng ký lần đầu ngày 09/10/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 09/7/2024.

- Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu: kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu hoặc đi thuê, đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật dân cư; kinh doanh nhà ở, cho thuê văn phòng, nhà xưởng, nhà kho, bến bãi; kinh doanh dịch vụ cảng, bến bãi.

- Điện thoại giao dịch: 02713.645205; Fax: 02713.645204.

- Cơ cấu tổ chức sản xuất của doanh nghiệp: Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, 04 phòng chuyên môn nghiệp vụ (phòng Tài chính - Kế toán, phòng Kinh doanh, phòng Tổ chức hành chính, phòng Xây dựng cơ bản) và đội bảo vệ phòng cháy, chữa cháy.

- Các số tài khoản:

+ Tài khoản số 1140000048064, mở tại Ngân hàng thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Bình Phước;

+ Tài khoản số 050045385660, mở tại Ngân hàng thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Chơn thành, tỉnh Bình Phước;

- Tổ chức công đoàn cơ sở: đã thành lập.
- Tổng số người làm việc tại doanh nghiệp (số liệu tại thời điểm ngày 30/6/2024): 72 người.
- Tình hình sản xuất kinh doanh:

Đơn vị: triệu đồng

T T	Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		06 tháng đầu năm 2024	
		KH	TH	KH	TH	KH	TH
1	Tổng giá trị tài sản	969.235	992.552	1.376.900	1.291.098	1.313.535	1.278.308
2	Tổng nguồn vốn kinh doanh	969.235	992.552	1.376.900	1.291.098	1.313.535	1.278.308
3	Tổng doanh thu	102.150	113.638	118.474	196.471	126.393	71.705
4	Tổng chi phí	59.499	55.308	66.137	140.190	75.570	30.796
5	Tổng thu - tổng chi	51.167	69.624	62.772	67.588	61.269	45.140
6	Lợi nhuận	42.651	58.330	52.337	56.222	50.823	40.909
7	Nộp ngân sách nhà nước	8.788	19.567	8.920	17.846	36.309	16.938

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Các loại báo cáo định kỳ

- Đã thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm, hằng năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương và báo cáo với cơ quan bảo hiểm xã hội cấp huyện.

- Đã thực hiện báo cáo định kỳ hằng năm về công tác an toàn, vệ sinh lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

2. Tuyển dụng và đào tạo lao động

- Doanh nghiệp tự tuyển dụng người lao động để làm việc cho doanh nghiệp.

- Số người lao động tuyển dụng trong thời kỳ thanh tra: 06 người.

- Doanh nghiệp không thu phí tuyển dụng người lao động.

- Đã xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động.

- Việc ký kết hợp đồng đào tạo với người lao động, người học nghề, tập nghề để làm việc cho doanh nghiệp: không phát sinh.

3. Giao kết và thực hiện hợp đồng lao động

a) Giao kết hợp đồng lao động (số liệu tại thời điểm ngày 30/6/2024)

- Số người không thuộc diện phải giao kết hợp đồng lao động: 04 người (Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Trưởng ban kiểm soát, kế toán trưởng).
- Số người thuộc diện phải giao kết hợp đồng lao động: 68 người.
- Số người đã giao kết hợp đồng lao động: 68 người, trong đó:
 - + Hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 61;
 - + Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 03 tháng đến 36 tháng: 07.
 - + Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 01 tháng đến 03 tháng: 0.
 - + Hợp đồng lao động xác định thời hạn dưới 01 tháng: 0.
 - + Hợp đồng lao động làm việc không trọn thời gian: 0.
- Số người chưa được giao kết hợp đồng lao động: 0.
- Kiểm tra 05 hợp đồng lao động đã giao kết với người lao động (bà Hà Lê Ngọc An, ông Mai Việt Dũng, bà Bùi Ngọc Yến Nhi, ông Trần Cẩm Vinh và ông Lành Văn Tuấn) mục công việc phải làm ghi "...chịu sự điều động làm công việc khác theo yêu cầu của Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính, Ban giám đốc hoặc các cá nhân được bổ nhiệm hoặc ủy quyền phụ trách".

b) Chế độ đối với người lao động mất việc, thôi việc trong thời kỳ thanh tra

- Số lao động bị mất việc làm; việc trả trợ cấp mất việc làm cho người lao động bị mất việc làm: không phát sinh.
- Việc thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cho người lao động trước khi cho nhiều người lao động thôi việc: không phát sinh.
- Số lao động thôi việc: 02 người, không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc.

4. Đối thoại tại doanh nghiệp và thoả ước lao động tập thể (TULĐTT)

- Đã tổ chức đối thoại định kỳ 01 lần/năm. Tuy nhiên, hồ sơ đối thoại định kỳ không thể hiện các bên có trách nhiệm gửi nội dung đối thoại cho bên tham gia đối thoại trước 05 ngày làm việc trước ngày đối thoại.
- Trong thời kỳ thanh tra, không phát sinh đối thoại theo yêu cầu hoặc khi có vụ việc khác.

- Việc thương lượng, ký kết và gửi TULĐTT đến cơ quan chuyên môn về lao động địa phương: đã ký kết TULĐTT năm 2022 và gửi TULĐTT tới Ban quản lý khu kinh tế tỉnh Bình Phước. TULĐTT có nội dung có lợi hơn cho người lao động như: lao động nữ khi sinh con, lao động nam có vợ sinh con được chi 2000.000 đồng/lần, chi hỗ trợ người lao động xây dựng gia đình: 2.000.000 đồng; chi trợ cấp khó khăn đột xuất tối đa 5.000.000 đồng. Tuy nhiên, hồ sơ TULĐTT của doanh nghiệp không có thông báo bằng văn bản về những nội dung dự kiến

tiến hành thương lượng tập thể của đại diện tập thể người lao động hoặc của người sử dụng lao động.

- Đã xây dựng và ban hành quy chế dân chủ cơ sở năm 2021 theo Quyết định số 01/QĐ-KCNCSBL ngày 20/01/2021 của Tổng giám đốc. Quy chế dân chủ cơ sở đã xây dựng đầy đủ nội dung.

5. Tiền lương và thu nhập

5.1. Công tác quản lý tiền lương và thu nhập của người lao động

5.1.1. Việc xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động

- Việc xây dựng hệ thống thang lương, bảng lương và định mức lao động:
+ Đã xây dựng và ban hành thang lương, bảng lương, chế độ phụ cấp lương, phương án chuyển xếp lương theo Quyết định số 37/QĐ-HĐQT ngày 29/6/2021 của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

+ Đã xây dựng định mức lao động theo quy định.

- Các hình thức trả lương doanh nghiệp đang áp dụng trả lương theo thời gian.

- Mức lương bình quân (MLBQ):

Đơn vị tính: 1.000 đồng.

TT	Nội dung	Năm 2022		Năm 2023	
		Số lao động	MLBQ	Số lao động	MLBQ
1	Lao động quản lý	7	13.448	7	13.698
2	Lao động chuyên môn, nghiệp vụ	18	8.470	19	8.123
3	Công nhân trực tiếp sản xuất kinh doanh	34	6.837	35	6.247
4	Nhân viên thừa hành, phục vụ	5	6.802	5	6.103
5	Tổng số	64	7.897	66	7.566

- Mức phụ cấp bình quân (MPCBQ) :

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Các loại phụ cấp	Năm 2022		Năm 2023	
		Số người	MPCBQ	Số người	MPCBQ
1	Chức vụ	0	0	0	0
2	Trách nhiệm	01	600	01	600

3	Khu vực	0	0	0	0
4	Độc hại, nguy hiểm	11	293	37	237
5	Thu hút	0	0	0	0

5.1.2. Quỹ tiền lương và thực hiện phân phối quỹ tiền lương

- Đã thực hiện xin ý kiến và được Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam- Công ty Cổ phần (sau đây gọi là Tập đoàn) chấp thuận về các nội dung gồm quỹ tiền lương thực hiện, quỹ tiền lương kế hoạch hằng năm của người lao động, cụ thể như sau:

+ Năm 2022: công văn số 1522/CSVN-LĐTL ngày 06/6/2022 của Tập đoàn về thỏa thuận tiền lương kế hoạch năm 2022; công văn số 309/CSVN-LĐTL ngày 17/2/2023 của Tập đoàn về thỏa thuận tiền lương thực hiện năm 2022, Quyết định số 06 /QĐ-HĐQT ngày 13/03/2023 của Hội đồng quản trị doanh nghiệp về việc phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm 2022.

+ Năm 2023: công văn số 2064/CSVN-LĐTL ngày 07/8/2023 của Tập đoàn về kế hoạch tiền lương năm 2023; Quyết định số 24/QĐ-HĐQT ngày 12/9/2023 của Chủ tịch Hội đồng quản trị doanh nghiệp phê duyệt kế hoạch tiền lương năm 2023; công văn số 328/CSVN-LĐTL ngày 07/8/2023 của Tập đoàn về tiền lương thực hiện năm 2023, Quyết định số 05/QĐ-HĐQT ngày 01/3/2024 của Chủ tịch Hội đồng quản trị doanh nghiệp phê duyệt tiền lương thực hiện năm 2023.

+ Năm 2024: công văn số 2164/CSVN-LĐTL ngày 15/7/2024 của của Tập đoàn về kế hoạch tiền lương năm 2024; Quyết định số 18/QĐ-HĐQT ngày 24/7/2024 của Chủ tịch Hội đồng quản trị doanh nghiệp phê duyệt kế hoạch tiền lương năm 2024.

- Đã xây dựng và phê duyệt quỹ tiền lương kế hoạch và thực hiện của người lao động.

- Đã xây dựng quy chế trả lương, quy chế thưởng theo Quyết định số 63/QĐ-HĐQT ngày 22/12/2020 của Chủ tịch Hội đồng quản trị doanh nghiệp.

- Trả lương theo thỏa thuận ghi trong hợp đồng lao động và căn cứ kết quả thực hiện công việc của người lao động. Phân phối quỹ lương hàng năm không vượt quá quỹ lương thực hiện được phê duyệt. Tiền lương được chi trả theo hình thức chuyển khoản.

- Đã trả tiền lương làm thêm giờ cho người lao động vào ngày làm việc bình thường và các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định.

- Đã trả tiền lương làm việc vào ban đêm cho người lao động theo quy định; không phát sinh làm thêm giờ vào ban đêm.

- Đã trả lương những ngày chưa nghỉ hàng năm hoặc ngày chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hàng năm cho người lao động thôi việc.

- Tiền lương ngừng việc và cách giải quyết tiền lương trong các trường hợp thiếu việc làm: không phát sinh.

- Tình hình khấu trừ tiền lương của người lao động: không phát sinh.

5.1.3. Các khoản thu nhập khác

- Tiền ăn ca với mức 550.000 đồng/người/tháng với tổng số tiền như sau:

+ Năm 2022, tổng số tiền 424.260.000 đồng, số được hưởng là 64 người.

+ Năm 2023, tổng số tiền 436.550.000 đồng, số được hưởng là 66 người.

+ Năm 2024, tổng số tiền 223.725.000 đồng, số được hưởng là 68 người.

- Các khoản phụ cấp khác: chi trả theo quy chế.

- Tiền lương và thu nhập bình quân chung:

Đơn vị: triệu đồng/người/tháng

T T	Chỉ tiêu	Năm 2022			Năm 2023		
		Cao nhất	Bình quân	Thấp nhất	Cao nhất	Bình quân	Thấp nhất
1	Mức lương	20,9	9,7	4,16	22,9	12,1	4,6
2	Phụ cấp	-	-	-	-	-	-
3	Tiền thưởng	1	1	0,2	1	1	0,8
4	Thu nhập khác	0,4	0,4	0,3	0,4	0,4	0,2
5	Tổng thu nhập	22,3	11,1	4,66	24,3	13,5	4,8

5.2. Tiền lương, thu nhập của người quản lý

5.2.1. Tiền lương

- Số lượng người quản lý: 04 người, bao gồm:

+ Trưởng ban kiểm soát: 01 người.

+ Tổng giám đốc: 01 người.

+ Phó Tổng giám đốc : 01 người.

+ Kế toán trưởng: 01 người.

- Hội đồng quản trị đã thực hiện xin ý kiến và được Tập đoàn chấp thuận về các nội dung gồm quỹ tiền lương thực hiện, quỹ tiền lương kế hoạch hằng năm của người quản lý cùng với quỹ tiền lương thực hiện và quỹ tiền lương kế hoạch hằng năm của người lao động.

- Đã xây dựng và phê duyệt quỹ tiền lương, quỹ thù lao kế hoạch và thực hiện của người quản lý theo quy định.

- Phân phối mức tiền lương, thù lao đối với từng người quản lý theo quy định.

5.2.2. Tiền thưởng

- Hằng năm, Hội đồng quản trị thực hiện trích lập quỹ tiền thưởng và chi quỹ thưởng cho người quản lý theo đúng quỹ thưởng được duyệt.

- Đã xây dựng quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng của người quản lý.

- Phân phối tiền thưởng đối với từng chức danh không vượt quỹ tiền thưởng được phê duyệt hàng năm.

5.2.3. Thu nhập

Các khoản thu nhập khác: doanh nghiệp thưởng Lễ, Tết từ quỹ phúc lợi theo quy định.

5.3. Trách nhiệm của người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp

- Đã tham gia ý kiến và biểu quyết tại các cuộc họp với Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên để đưa các nội dung quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng vào Điều lệ tổ chức hoạt động hoặc các quy chế của công ty; tham gia biểu quyết để quyết định các nội dung về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng.

- Hội đồng quản trị đã tổng hợp, xin ý kiến chủ sở hữu về quỹ tiền lương của người lao động; quỹ tiền lương, tiền thưởng, thù lao của người quản lý, cụ thể:

+ Năm 2022: Tờ trình số 06/TTr-KCNCSBL ngày 02/6/2022 của doanh nghiệp về kế hoạch tiền lương năm 2022; Tờ trình số 07/TTr-KCNCSBL ngày 07/02/2023 của doanh nghiệp về tiền lương thực hiện năm 2022.

+ Năm 2023: Tờ trình số 14/TTr-KCNCSBL ngày 21/7/2023 của doanh nghiệp về kế hoạch tiền lương năm 2023; Tờ trình số 01/TTr-KCNCSBL ngày 30/01/2024 của doanh nghiệp về tiền lương năm thực hiện 2023.

+ Năm 2024: Tờ trình số 18/TTr-KCNCSBL ngày 10/7/2024 của doanh nghiệp về kế hoạch tiền lương năm 2024.

- Đã đề xuất và xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước về phương án xác định quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với doanh nghiệp.

- Hằng năm, đã báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước kết quả thực hiện tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với doanh nghiệp.

6. Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi

- Thời giờ làm việc: hằng ngày 08 giờ/ngày, không quá 48 giờ/tuần (khối văn phòng của doanh nghiệp làm việc 40 giờ/tuần, nghỉ thứ bảy, chủ nhật; khối lao động làm công việc bảo vệ, nhà máy xử lý nước thải làm việc 48 giờ/tuần).

- Việc huy động người lao động làm thêm giờ: kiểm tra bảng chấm công tháng 9/2023, doanh nghiệp huy động người lao động làm thêm không vượt quá 40 giờ/tháng.

- Đã thực hiện các quy định về thời giờ nghỉ ngơi, nghỉ lễ, tết, nghỉ việc riêng có lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương theo quy định.

- Đã bố trí 12 ngày nghỉ hằng năm đối với người lao động làm công việc bình thường, 14 ngày nghỉ hàng năm đối với người lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (chưa tính thâm niên).

- Việc quy định các đợt nghỉ ngắn trong ca làm việc: không.

7. Kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất

- Đã xây dựng, ban hành Nội quy lao động và đăng ký với Ban quản lý khu kinh tế tỉnh Bình Phước vào ngày 22/9/2022. Tuy nhiên, còn nội dung chưa phù hợp với quy định của pháp luật lao động:

+ Khoản 2 Điều 1 Nội quy lao động quy định “không trả lương cho những ngày người lao động không nghỉ phép năm”.

+ Điểm e khoản 4 Điều 23 Nội quy lao động quy định người lao động bị xử lý kỷ luật với hình thức sa thải khi tự ý nghỉ việc 05 ngày cộng dồn trong một tháng và 20 ngày cộng dồn trong một năm.

- Số vụ việc đã xử lý kỷ luật lao động: không.

- Việc xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương: không.

- Những trường hợp người lao động phải bồi thường trách nhiệm vật chất: không phát sinh.

8. Lao động đặc thù

8.1. Các quy định riêng đối với lao động nữ

- Tổng số lao động nữ: 13 người.

- Thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ, gồm:

+ Đã thực hiện quy định về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi đối với lao động nữ lao động nữ nuôi con dưới 12 tháng tuổi, lao động nữ trong thời gian hành kinh theo quy định.

+ Không có trường hợp sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với lao động nữ.

+ Đã bố trí chỗ thay quần áo, buồng tắm và buồng vệ sinh cho lao động nữ.

+ Việc giúp đỡ, hỗ trợ xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động: chưa thực hiện.

+ Đã thực hiện các chế độ cho lao động nữ mang thai, nghỉ thai sản và đảm bảo việc làm cho lao động nữ sau khi nghỉ thai sản.

8.2. Các quy định riêng đối với lao động chưa thành niên

Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không sử dụng lao động chưa thành niên.

8.3. Đối với lao động là người nước ngoài

Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không sử dụng lao động là người nước ngoài.

8.4. Đối với lao động là người khuyết tật, người lao động cao tuổi

Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không sử dụng lao động là người khuyết tật, người lao động cao tuổi.

9. Khiếu nại và tranh chấp lao động:

Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không phát sinh khiếu nại và tranh chấp lao động.

10. An toàn lao động, vệ sinh lao động

- Hội đồng an toàn, vệ sinh lao động cơ sở: không.
- Đã xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hằng năm đủ 05 nội dung và lấy ý kiến Ban chấp hành công đoàn cơ sở khi lập kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động.
- Việc thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên:
 - + Đã thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên theo Quyết định số 15/QĐ-KCNCSBL ngày 13/9/2022 và kiện toàn mạng lưới an toàn, vệ sinh viên theo Quyết định số 15/QĐ-KCNCSBL ngày 01/6/2024 của Tổng giám đốc doanh nghiệp gồm 8 người; đã ban hành quy chế hoạt động của mạng lưới an toàn, vệ sinh viên theo Quyết định số 16/QĐ-KCNCSBL ngày 01/6/2024, đã trả phụ cấp an toàn, vệ sinh viên.
 - Đã bố trí 01 người (bà Trần Vũ Hoài Trâm, phòng Tổ chức - Hành chính) làm bán chuyên trách về công tác an toàn, vệ sinh lao động.
 - Bộ phận y tế: đã bố trí 01 người làm công tác y tế (bà Trần Vũ Hoài Trâm - y sỹ đa khoa).
 - Số máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động: 04 máy, thiết bị (04 bình chịu áp lực có áp suất làm việc định mức cao hơn 0,7 bar). Tại thời điểm thanh tra, doanh nghiệp đã kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với 04 máy, thiết bị theo quy định.
 - Đã xây dựng nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với máy, thiết bị và tại nơi làm việc.
 - Đã tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho toàn bộ người lao động theo quy định.
 - Đã trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động.

- Đã tổ chức bồi dưỡng bằng hiện vật cho 38 người lao động. Tuy nhiên, doanh nghiệp thực hiện bồi dưỡng theo tháng (theo tổng công làm việc của tháng) là chưa đúng quy định.

- Tổng số vụ tai nạn lao động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/6/2024: không.

- Đã thực hiện quan trắc môi trường lao động theo quy định, số mẫu đã đo là 59 mẫu, số mẫu đạt 59 mẫu.

- Đã thống kê 10 lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: 0 người.

- Đã trang bị đầy đủ thiết bị, phương tiện sơ cứu, cấp cứu tại nơi làm việc.

- Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ 1 lần/năm cho toàn bộ người lao động, lao động nữ được khám chuyên khoa phụ sản; lao động tiếp xúc với yếu tố nguy cơ mắc bệnh nghề nghiệp được khám phát hiện bệnh nghề nghiệp; người lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đã được khám 6 tháng một lần.

III. KẾT LUẬN

1. Những quy định của pháp luật về lao động đã được doanh nghiệp thực hiện

1.1. Đã thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm và cả năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương và thông báo cho cơ quan bảo hiểm xã hội cấp huyện.

1.2. Đã thực hiện báo cáo về công tác an toàn, vệ sinh lao động hằng năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

1.3. Doanh nghiệp tự tuyển dụng người lao động; không thu phí tuyển dụng người lao động.

1.4. Đã xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động.

1.5. Đã giao kết hợp đồng lao động đối với 100% người lao động thuộc đối tượng phải giao kết hợp đồng lao động.

1.6. Đã tổ chức đối thoại định kỳ với người lao động tại nơi làm việc.

1.7. Đã ký kết và gửi TULĐTT đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Bình Phước.

1.8. Đã xây dựng quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc.

1.9. Đã xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động.

1.10. Đã tổng hợp, xin ý kiến và được Tập đoàn chấp thuận đối với các nội dung gồm quỹ tiền lương thực hiện, quỹ tiền lương kế hoạch hằng năm của người quản lý và người lao động.

1.11. Đã xây dựng và ban hành quy chế trả lương, quy chế khen thưởng, thù lao của người quản lý và ban hành quy chế trả lương, quy chế khen thưởng người lao động.

1.12. Trả lương cho người lao động không vượt quá quỹ lương thực hiện được phê duyệt; trả lương qua tài khoản mở tại ngân hàng và trực tiếp bằng tiền mặt theo nhu cầu của người lao động.

1.13. Trả lương làm thêm giờ cho người lao động theo quy định.

1.14. Đã tổ chức bữa ăn ca cho người lao động với mức 550.000 đồng/người/tháng.

1.15. Đã thực hiện trách nhiệm của người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

1.16. Đã thực hiện các quy định về nghỉ lễ, tết, nghỉ việc riêng có hưởng lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương.

1.17. Đã xây dựng và đăng ký Nội quy lao động với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Bình Phước.

1.18. Đã thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ gồm thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi đối với lao động nữ nuôi con dưới 12 tháng tuổi, lao động nữ trong thời gian hành kinh; đảm bảo việc làm cho lao động nữ sau khi nghỉ thai sản.

1.19. Đã xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hằng năm đủ các nội dung theo quy định.

1.20. Đã thành lập mạng lưới an toàn vệ sinh viên và chi trả phụ cấp trách nhiệm cho an toàn, vệ sinh viên; bố trí người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động, công tác y tế.

1.21. Đã thực hiện kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với 04 thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đang sử dụng.

1.22. Đã tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho toàn bộ người lao động; xây dựng nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với máy, thiết bị và tại nơi làm việc.

1.23. Đã trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động; thực hiện quan trắc môi trường lao động theo quy định.

1.24. Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cấp cứu tại nơi làm việc; tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ người lao động theo quy định, lao động nữ được khám chuyên khoa phụ sản.

2. Những quy định của pháp luật về lao động chưa được doanh nghiệp thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ

2.1. Nội dung của hợp đồng lao động chưa đảm bảo quy định: mục công việc phải làm ghi “chịu sự điều động làm công việc khác theo yêu cầu của Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính, Ban giám đốc hoặc các cá nhân được bổ nhiệm

hoặc ủy quyền phụ trách” là không đúng quy định tại Điều 21 Bộ luật Lao động, Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về nội dung hợp đồng lao động, hội đồng thương lượng tập thể và nghề, công việc có ảnh hưởng xấu tới chức năng sinh sản, nuôi con.

2.2. Hồ sơ đối thoại định kỳ không thể hiện các bên có trách nhiệm gửi nội dung đối thoại cho bên tham gia đối thoại trước ngày đối thoại 05 ngày làm việc theo quy định tại khoản 3 Điều 39 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

2.3. Chưa có thông báo bằng văn bản về những nội dung dự kiến tiến hành thương lượng tập thể của đại diện tập thể người lao động với người sử dụng lao động hoặc ngược lại theo quy định tại khoản 1 Điều 70 Bộ luật Lao động.

2.4. Khoản 2 Điều 1 Nội quy lao động quy định “không trả lương cho những ngày người lao động không nghỉ phép năm” là chưa đúng quy định tại khoản 3 Điều 113 Bộ luật Lao động.

2.5. Điểm e khoản 4 Điều 23 Nội quy lao động quy định người lao động bị xử lý kỷ luật với hình thức sa thải khi tự ý nghỉ việc 05 ngày cộng dồn trong một tháng và 20 ngày cộng dồn trong một năm là chưa đúng quy định tại khoản 4 Điều 125 Bộ luật Lao động.

2.6. Chưa giúp đỡ, hỗ trợ xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho lao động nữ theo quy định tại khoản 4 Điều 136 Bộ luật Lao động.

2.7. Thực hiện bồi dưỡng độc hại theo tháng là chưa đúng quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 24/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định việc bồi dưỡng bằng hiện vật đối với người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại.

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG

Không.

V. HẠN CHẾ, BẮT CẠP CỦA CƠ CHẾ QUẢN LÝ, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN VÀ KIẾN NGHỊ KHẮC PHỤC

Không.

VI. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội yêu cầu người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thực hiện các nội dung sau:

1. Khắc phục sai phạm nêu tại Mục 2 Phần III Kết luận thanh tra như sau:
 - Khắc phục các sai phạm nêu tại điểm 2.2, 2.3, 2.7 khi có phát sinh;

- Khắc phục các sai phạm còn lại trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký Kết luận thanh tra này.

2. Thực hiện niêm yết công khai Kết luận thanh tra tại trụ sở doanh nghiệp 15 ngày liên tục theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 49 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra.

3. Báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện kiến nghị các biện pháp xử lý nêu tại Mục VI Kết luận thanh tra kèm theo tài liệu chứng minh đến Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, địa chỉ: số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội trước ngày 30/10/2024./.

Nơi nhận: *Nv*

- Doanh nghiệp (đề t/h);
- Phó chánh TTr phụ trách (đề biết);
- Công TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Trang TTĐT Thanh tra Bộ LĐTBXH;
- Lưu: VT, hồ sơ TTr.



Nguyễn Tiến Tùng